

Số: 03 /TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và một số văn bản nội bộ của
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều lệ hiện hành và một số văn bản nội bộ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tuy nhiên, trong thời gian qua, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV đã thông qua Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 thay thế cho Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13), Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (có hiệu lực từ 01/01/2021 và thay thế Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12), kèm theo đó là các văn bản hướng dẫn thi hành.

Do đó, Điều lệ và một số văn bản nội bộ có liên quan của SHB phải được rà soát, sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực tế hoạt động kinh doanh tại SHB.

Xuất phát từ cơ sở nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ SHB (*chi tiết sửa đổi, bổ sung theo phụ lục đính kèm*),
2. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng Quản trị SHB (*chi tiết sửa đổi, bổ sung theo phụ lục đính kèm*),
3. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ về Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (*chi tiết sửa đổi, bổ sung theo phụ lục đính kèm*),
4. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát SHB (*chi tiết sửa đổi, bổ sung theo phụ lục đính kèm*),
5. Ủy quyền và Giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát quyết định hoàn thiện và ban hành các nội dung sửa đổi, bổ sung các văn bản nêu trên bao gồm cả việc bổ sung, làm rõ và chủ động sửa đổi các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều/Khoản/Điểm cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế giữa hai kỳ đại hội; và thực hiện báo cáo với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Cơ quan Nhà nước khác có liên quan.
6. Ủy quyền và Giao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ có liên quan khác của SHB cho phù hợp với Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế Quản trị nội bộ SHB.

Trân trọng kính trình!



CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Quang Hiến

**PHỤ LỤC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN-HÀ NỘI**

(Kèm theo Tờ trình số... Q.2... ngày 01/04.../2021 của Hội đồng quản trị SHB)

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p>	<p>Một số định nghĩa theo quy định pháp luật đã hết hiệu lực.</p>	<p>Chỉnh sửa một số định nghĩa như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Luật các Tổ chức tín dụng; - Luật chứng khoán; - Vốn Điều lệ; - Cổ tức; - Sổ đăng ký cổ đông; - Người có liên quan; - Người nội bộ; - Giá trị trường của cổ phần. 	<p>Hiện Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán năm 2020 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 nên một số định nghĩa của Điều lệ được chỉnh sửa theo các quy định pháp luật mới.</p>
<p>Điều 4. Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài khoản của SHB</p>	<p>3. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của SHB. Người đại diện theo pháp luật của SHB phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành của SHB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.</p> <p>.....</p> <p>Khi người đại diện theo pháp luật của SHB vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng Quản trị có quyền cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SHB.</p>	<p>Sửa tại Khoản 3 như sau:</p> <p><i>“3. Người đại diện theo pháp luật của SHB là Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch HĐQT. HĐQT quyết định và tổ chức thực hiện việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của SHB từng thời kỳ. Người đại diện theo pháp luật của SHB phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành của SHB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.</i></p> <p>.....</p> <p><i>Khi người đại diện theo pháp luật của SHB vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình hoặc bị chết, mất tích, <u>đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</u> thì Hội đồng Quản trị có quyền cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SHB.”</i></p>	<p>Phù hợp với Điều 12, Luật các TCTD 2010, Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 16. Vốn Điều lệ	<p>1. Vốn Điều lệ của SHB là 17.558.331.260.000 (Mười bảy nghìn năm trăm năm mươi tám tỷ ba trăm ba mươi một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).</p> <p>2. Tổng số vốn Điều lệ của SHB được chia thành 1.755.833.126 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng trên một cổ phần).</p>	<p>Sửa Khoản 1, Khoản 2 như sau:</p> <p><i>“1. Vốn Điều lệ của SHB là 17.510.090.940.000 (Mười bảy nghìn, năm trăm mười tỷ, không trăm chín mươi triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).</i></p> <p><i>2. Tổng số vốn Điều lệ của SHB được chia thành 1.751.009.094 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng trên một cổ phần).”</i></p>	Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 theo Quyết định 284/QĐ-NHNN ngày 10/3/2021.
Điều 20. Chào bán cổ phần	<p>2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;</p> <p>b) Chào bán ra công chúng;</p>	<p>Bổ sung vào Khoản 2 như sau:</p> <p><i>“2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:</i></p> <p><i>a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;</i></p> <p><i>b) Chào bán ra công chúng;</i></p> <p><i>c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.”</i></p>	Bổ sung hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ căn cứ vào Điều 31, Luật chứng khoán 2019
Điều 22. Thu hồi cổ phần	<p>Điều 22. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho SHB theo quy định.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ địa điểm thanh toán, thời hạn thanh toán mới (tối thiểu 7 ngày). Thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của SHB. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối</p>	<p>Sửa Điều 22 như sau:</p> <p><i>“Điều 22. Thu hồi cổ phần</i></p> <p><i>1. SHB phải thu hồi cổ phần đã phát hành ra công chúng theo quy định của Luật chứng khoán 2019 trong các trường hợp đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng bị hủy bỏ hoặc bị đình chỉ mà nhà đầu tư có yêu cầu thu hồi.</i></p> <p><i>2. Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. “</i></p>	Căn cứ Điều 27, Điều 28 Luật chứng khoán 2019

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không cao hơn lãi suất tiền gửi cùng kỳ hạn do Ngân hàng công bố vào thời điểm thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p> <p>6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>		
<p>Điều 23. Chuyển nhượng Cổ phần</p>	<p>3. Trừ khi pháp luật có quy định khác, tổng mức chuyển nhượng cổ phiếu có ghi tên (kể từ lần chuyển nhượng gần nhất được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước) vượt quá 20% Vốn Điều lệ và việc thay đổi tỉ lệ cổ phiếu của các cổ đông sở hữu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>...</p> <p>6. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải có văn bản báo cáo ngân hàng nhà nước trong vòng 05 ngày kể từ ngày thực hiện giao dịch chuyển nhượng cổ phần:</p> <p>a) Các giao dịch mua bán mức cổ phần trọng yếu;</p> <p>b) Các giao dịch mua bán cổ phần dẫn đến cổ đông đang sở hữu mức cổ phần trọng yếu trở thành không sở hữu cổ phần trọng yếu và ngược lại.</p> <p>Các giao dịch mua bán mức cổ phần trọng yếu là các giao dịch của cổ đông sở hữu từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.</p>	<p>Bỏ Khoản 3 và Khoản 6</p>	<p>Bỏ vì các nội dung này quy định theo Điều 34 Thông tư 06/2010/TT-NHNN đã hết hiệu lực và Thông tư 50/2018/TT-NHNN (thay thế Thông tư 06/2010/TT-NHNN) không có quy định về nội dung này.</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 25. Phát hành trái phiếu	<p>2. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định về việc hạn chế phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật.</p>	<p><i>“2. Đối với phát hành trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền: Hội đồng Quản trị có quyền quyết định thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền từ đợt chào bán, xác định tiêu chí, số lượng, nhà đầu tư, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng Quản trị về phát hành trái phiếu.</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 3 Điều 18, Khoản 2 Điều 31 Luật chứng khoán 2019, Khoản 2 Điều 13 Nghị định 153/2020/NĐ-CP</p>
	<p>3. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng Quản trị về phát hành trái phiếu</p>	<p>Sửa Khoản 3 như sau: <i>“3. Đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền: Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư. Hình thức biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.”</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 4 Điều 18, Khoản 1 Điều 31 Luật chứng khoán 2019, Khoản 2 Điều 13 Nghị định 153/2020/NĐ-CP</p>
	<p>4. Trường hợp công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần</p>	<p>Sửa Khoản 4 như sau: <i>“4. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục phát hành trái phiếu được thực hiện theo quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.”</i></p>	<p>Nội dung sửa đổi để phù hợp với các quy định của Luật chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Nghị định 153/2020/NĐ-CP.</p>
Điều 26. Sở đăng ký cổ đông		<p>Bổ sung Khoản 4,5 như sau: <i>“4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với SHB để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. SHB không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông. 5. SHB phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này. “</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 4,5 Điều 122 Luật doanh nghiệp 2020</p>
	<p>4. Định kỳ 06 tháng/lần, SHB phải có báo cáo bằng văn bản cho Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hà Nội biết nếu có sự thay đổi một trong những nội dung nêu tại Khoản 2, Điều này.</p>	<p>- Bỏ</p>	<p>Bỏ do nội dung này trước đây quy định theo Khoản 2 Điều 11 Quyết định 1122/2001/QĐ-NHNN đã hết hiệu lực và Thông tư 50/2018/TT-NHNN (thay thế Quyết định 1122/2001/QĐ-NHNN) không</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 28. Cổ đông</p>	<p>6. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>...</p> <p>c) Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại SHB.</p>	<p>Sửa điểm c) Khoản 6 như sau:</p> <p><i>c) Cổ đông là công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (trừ công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) không được cử người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện tại SHB.</i></p>	<p>quy định nội dung này</p> <p>Căn cứ Điểm b) Khoản 5 Điều 14; Điểm b) Khoản 1 Điều 88 và Khoản 22 Điều 14 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 29. Quyền của cổ đông</p>		<p>Bổ sung Khoản 3 như sau:</p> <p><i>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:</i></p> <p><i>a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của SHB;</i></p> <p><i>b) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</i></p> <p><i>c) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật.</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Đề cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 5, Điều 44 và Khoản 5, Điều 58 của Điều lệ này;</p> <p>b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế. <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng</p>	<p>Sửa lại Khoản 4 như sau:</p> <p><i>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</i></p> <p><i>a) Đề cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 5, Điều 44 và Khoản 5, Điều 59 của Điều lệ này;</i></p> <p><i>b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>- Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</i> <i>- Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.</i> <p><i>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</i></p> <p><i>c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p><i>d) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật.</i></p>	<p>Căn cứ điểm c, Khoản 1, Điều 59 Luật các TCTD năm 2010</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của SHB; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>		
Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông		<p>Bổ sung điểm e) Khoản 1 như sau:</p> <p><i>e) Bảo mật các thông tin được SHB cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i></p>	Căn cứ Khoản 5 Điều 19 Luật Doanh nghiệp 2020.
Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông		<p>Bổ sung Khoản 7 như sau</p> <p><i>Ban Kiểm soát phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) và Điều lệ này hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này</i></p>	Căn cứ Khoản 9 Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010
		<p>Bổ sung Khoản 9 như sau:</p> <p><i>Người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền gia hạn thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông nhưng phải đảm bảo thời gian triệu tập họp và thời gian họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ này.</i></p>	Bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp thực tế thực hiện.
Điều 34. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 33, Điều lệ này phải thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của SHB;</p>	<p>Sửa Điểm a), c) Khoản 1 như sau:</p> <p><i>a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của SHB. SHB sẽ công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp đại hội tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</i></p> <p><i>c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ</i></p>	Căn cứ Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 1 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>...</p> <p>c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc .</p>	<p><i>đồng cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày làm việc trước ngày khai mạc.</i></p>	
		<p>Bổ sung Điểm d) Khoản 1 như sau:</p> <p><i>d) Công bố thông tin về việc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang website của SHB và trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>
		<p>Bổ sung khoản 2 như sau:</p> <p><i>2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho SHB bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong SHB, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc và đăng trên website của SHB.</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>3. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của SHB, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi SHB đặt trụ sở chính.</p> <p>4. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho SHB bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong SHB, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cũng phải được công bố trên website của SHB đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p>	<p>Sửa khoản 3,4 như sau:</p> <p><i>Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên web của SHB. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu.</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 4 Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020</p>
	<p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 5 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p> <p>c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>	<p>Sửa Khoản 6 như sau:</p> <p><i>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 5 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung</p> <p>b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>	
Điều 36. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.	<p>Sửa Khoản 1 như sau:</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 37. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	<p>2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>Sửa điểm a) b) Khoản 2 như sau:</p> <p>a) <u>Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</u></p> <p>b) <u>Trường hợp quy định tại Khoản a) Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</u></p>	Căn cứ điểm a) b) Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020
	7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:....	<p>Sửa khoản 7 như sau</p> <p>7. Người triệu tập họp <u>hoặc chủ tọa cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:...</p>	Căn cứ Khoản 7 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 38. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	4. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu	<p>Sửa khoản 4 như sau:</p> <p>Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát</p>	Căn cứ Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát; cổ đông có quyền dồn hết số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	<p><i>phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát; cổ đông có quyền dồn hết số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của SHB do Hội đồng Quản trị ban hành."</i></p>	
<p>Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	<p>5. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý SHB.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f) Thời hạn phải gửi về SHB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p>	<p>Sửa điểm e), f) Khoản 5 như sau:</p> <p><i>e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</i></p> <p><i>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</i></p>	<p>Căn cứ điểm d, e Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 40. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>..</p> <p>i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>Sửa điểm i) khoản 1 như sau:</p> <p><i>Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</i></p> <p><i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></p>	<p>Căn cứ điểm i, khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 41. Hiệu lực và hủy bỏ</p>	<p>2. Hủy bỏ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa điểm a) Khoản 2 như sau:</p>	<p>Căn cứ Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>....</p> <p>a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định Điều lệ SHB và các quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này;</p>	<p>a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này;</p>	<p>ngành 2020</p>
<p>Điều 42. Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.</p>	<p>1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của SHB:</p> <p>..</p> <p>e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p>	<p>Sửa điểm e) Khoản 1 như sau:</p> <p>e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của <u>tổ chức tín dụng</u> theo quy định pháp luật hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc <u>tổ chức tín dụng</u> bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p>	<p>Căn cứ điểm đ) Khoản 1 Điều 34 Luật các TCTD năm 2010</p>
	<p>3. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc:</p> <p>....</p> <p>h) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</p>	<p>Bỏ điểm h) Khoản 3</p>	<p>Bỏ vì nội dung này quy định theo Thông tư 95/2017/TT-BTC đã hết hiệu lực và Thông tư 116/2020/TT-BTC (thay thế Thông tư 95/2017/TT-BTC) không có hướng dẫn nội dung này.</p>
	<p>5. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị SHB không được đồng thời là người điều hành của SHB và của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Hội đồng quản trị SHB không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này</p>	<p>Sửa Khoản 5 như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành của SHB; là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương</p>	<p>Căn cứ Khoản 1 Điều 34 Luật các TCTD năm 2010, Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi Luật các TCTD năm 2017; Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>là công ty con của Ngân hàng hoặc là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng; không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của quá 05 công ty khác.</p> <p>b) Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên SHB hoặc công ty con của SHB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của SHB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó; - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại SHB. <p>c) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của SHB không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của tổ chức tín dụng. Phó Tổng giám đốc (và các chức danh tương đương của SHB không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p> <p>d) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của SHB không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p>	<p><i>đương của doanh nghiệp khác.</i></p> <p><i>b) Tổng giám đốc của SHB không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</i></p> <p><i>c) Thành viên Hội đồng quản trị SHB không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của SHB hoặc là thành viên Ban kiểm soát của SHB; không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của quá 05 công ty khác.</i></p> <p><i>d) Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>- Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên SHB hoặc công ty con của SHB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của SHB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;</i> <i>- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại SHB.</i> <p><i>e) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của SHB không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của SHB. Phó Tổng giám đốc (và các chức danh tương đương của SHB không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</i></p>	
Điều 44. Số	4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm.	Sửa Khoản 4 như sau:	Căn cứ Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020:

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị	<p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	<p><i>4. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</i></p>	<p>thay thế nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị thành nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị cho đúng với bản chất</p>
	<p>5. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào Hội đồng Quản trị : Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do SHB quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Sửa Khoản 5 như sau:</p> <p><i>5. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào Hội đồng Quản trị: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.</i></p>	<p>Sửa căn cứ theo Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 50. Hội đồng Quản trị	<p>3. Các phiên họp đột xuất: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng trong thời gian chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của một trong các đối tượng dưới đây:</p> <p>a) Tổng Giám đốc;</p> <p>b) Hai thành viên Hội đồng Quản trị trở lên;</p> <p>c) Đa số thành viên Ban Kiểm soát;</p>	<p>Sửa Khoản 3 như sau:</p> <p><i>3. Các phiên họp đột xuất: Chủ tịch Hội đồng Quản trị tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</i></p> <p><i>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>Đề nghị quy định tại Khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 3,4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>
	<p>4. Các phiên họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3, Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với SHB; những người đề nghị tổ chức phiên họp được đề cập ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Sửa Khoản 4 như sau:</p> <p><i>4. Các phiên họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3, Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này; những người đề nghị tổ chức phiên họp được đề cập ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị"</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2020</p>
Điều 59. Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử vào Ban Kiểm soát và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát	<p>5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SHB thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào Ban Kiểm soát:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.</p>	<p>Sửa Khoản 5 như sau:</p> <p><i>5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SHB thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào Ban Kiểm soát:</i></p> <p><i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát.</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 5, Điều 115, Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>7. Điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này;</p> <p>b) Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 66 và Điều 67 Điều lệ này;</p> <p>c) Có bằng đại học hoặc trên đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d) Không phải là người có liên quan của người quản lý SHB.</p> <p>e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SHB;</p> <p>f) Không Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SHB trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>8. Điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát chuyên trách:</p> <p>a) Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên Ban Kiểm soát làm việc thường trực giữa các kỳ họp của Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công;</p> <p>b) Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhận chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng khác;</p> <p>c) Ban Kiểm soát quy định cụ thể cơ chế làm việc và nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách;</p> <p>d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>Gộp Khoản 8 vào Điểm g của Khoản 7 như sau:</p> <p>7. Điều.kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này;</p> <p>b) Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 66 và Điều 67 Điều lệ này;</p> <p>c) Có bằng đại học hoặc trên đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d) Không phải là người có liên quan của người quản lý SHB.</p> <p>e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SHB;</p> <p>f) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SHB trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>g) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác và phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>Căn cứ Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP .</p>
<p>Điều 60. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát</p>	<p>2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban kiểm soát; Định kỳ hằng năm xem xét lại Quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.</p> <p>3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật , đình chỉ và</p>	<p>Bổ sung một khoản vào dưới khoản 2 như sau:</p> <p><i>2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban kiểm soát; Định kỳ hằng năm xem xét lại Quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.</i></p>	<p>Căn cứ Khoản 3, Điều 45 Luật các TCTD 2010 và Điều lệ mẫu của Công ty Đại chúng ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ;	<p>3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành SHB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>3. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ;</p>	
	18. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng.	<p>Sửa đổi Khoản 18 như sau:</p> <p>19. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết</p>	Căn cứ Khoản 3, Điều 45 Luật các TCTD 2010 và Khoản 1, Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
Điều 62. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	<p>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do SHB phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Bổ sung thêm Khoản 2 vào dưới Khoản 1 như sau:</p> <p>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>2. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do SHB phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.</p>	Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 171 Luật doanh nghiệp 2020.
Điều 64. Họp Ban Kiểm soát	1. Phiên họp thường kỳ: Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 2 lần trong năm (hoặc có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát trong mỗi nhiệm kỳ) và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.	<p>Sửa đổi Khoản 1 như sau:</p> <p>1. Phiên họp thường kỳ: Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát</p>	Căn cứ Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		Bổ sung Khoản 12 như sau: <i>12. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.”</i>	Căn cứ Khoản 2 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điều 81. Các báo cáo của SHB	<p>1. Báo cáo tài chính hàng năm của SHB được lập theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của Điều lệ này. Trong thời hạn 120 (một hai mươi) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, SHB phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Ngân hàng Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	Sửa lại Khoản 1 như sau: <i>Báo cáo tài chính hàng năm của SHB được lập theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của Điều lệ này. SHB phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Ngân hàng Nhà nước.</i>	Căn cứ Điều 141 Luật các TCTD 2010
	<p>8. Chậm nhất đến ngày 31/3 hàng năm, SHB phải gửi báo cáo lên Ngân hàng Nhà nước danh sách các cán bộ chủ chốt của SHB, gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con, Kế toán trưởng SHB và các chức danh điều hành khác theo quy định tại Điều lệ này; kèm các văn bản, hồ sơ chứng minh việc đáp ứng các tiêu chuẩn, đối với những trường hợp mới được bổ nhiệm so với kỳ báo cáo trước.</p>	Sửa Khoản 8 như sau: <i>8. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), SHB phải có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước</i>	Căn cứ Khoản 9 Điều 2 Thông tư 13/2019/TT-NHNN sửa đổi Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành
Một số nội dung khác	Chỉnh sửa lỗi kỹ thuật, diễn đạt câu chữ nhằm rõ ràng và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm này.		

PHỤ LỤC
CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ SHB
(Kèm theo Tờ trình số 03 /TTr-HĐQT của Hội đồng Quản trị SHB)

Khoản mục	Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT đã được ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-HĐQT ngày 26/06/2018	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 4 Điều 4 - Thành phần, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị	Không có nội dung này	d) Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SHB; e) Không làm thành viên Hội đồng Quản trị quá 02 tổ chức tín dụng tại Việt Nam	Sửa đổi trường hợp cổ đông là người nước ngoài tham gia Hội đồng Quản trị phải có thêm các điều kiện cho thống nhất với quy định tại Dự thảo Điều lệ SHB và Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng
Khoản 5 Điều 4 - Thành phần, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị	Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.	Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.	Sửa đổi cho thống nhất với quy định tại Dự thảo Điều lệ SHB và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng
Khoản 7 – Điều 6 – Thẻ thức họp HĐQT	Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.	Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020

Khoản mục	Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT đã được ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-HĐQT ngày 26/06/2018	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 1 Điều 7	Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	Trường hợp không thể tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.	Sửa đổi cho phù hợp với Quy định tại Dự thảo Điều lệ SHB và thực tế hoạt động của Hội đồng Quản trị SHB
Điều 10 – Nhiệm vụ, Quyền hạn của HĐQT	Không có nội dung này	<p>28. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị quyết định và thực hiện một hoặc một số các nhiệm vụ nêu tại Điều này. Các vấn đề ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</p> <p>29. Những vấn đề sau phải được Hội đồng Quản trị thông qua và không được áp dụng cơ chế ủy quyền quy định tại Khoản 28 Điều này:</p> <p>a. Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của SHB;</p> <p>b. Các khoản đầu tư không có trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư ngân sách vượt quá 10% kế hoạch tài chính ghi trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Quy định tại Dự thảo Điều lệ SHB và Thực tế hoạt động của Hội đồng Quản trị SHB
Khoản 1 Điều 11 – Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch	Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm	Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú ở Việt Nam thời gian đương nhiệm. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Sửa đổi cho phù hợp với Dự thảo Điều lệ SHB và Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020

Khoản mục	Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT đã được ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-HĐQT ngày 26/06/2018	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
HĐQT	kỳ.	không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ quy định tại Khoản 5, Điều 42 Điều lệ SHB	
Khoản 3 Điều 11 - Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng vắng mặt thì Chủ tịch có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng vắng mặt thì Chủ tịch có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 3 Điều 13 – Nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị	Không có nội dung này	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của SHB phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 227 Luật Chứng khoán 2019 và Phù hợp với Mẫu Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 6 Điều 16 – Những người	Đã từng bị bãi nhiệm chức danh Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban hoặc thành viên Ban Kiểm soát, Tổng	Bỏ nội dung này	Sửa đổi cho phù hợp với Dự thảo Điều lệ SHB.

Khoản mục	Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT đã được ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-HĐQT ngày 26/06/2018	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
sau đây không được làm thành viên HĐQT	Giám đốc của SHB		
Khoản 11 - Điều 16 – Những người sau đây không được làm Thành viên HĐQT	Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của SHB theo quy định pháp luật hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc SHB đó bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động	Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của TCTD theo quy định pháp luật hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc TCTD đó bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 1 Điều 34 Luật các TCTD và Điểm e Khoản 1 Điều 42 Dự thảo Điều lệ SHB
Khoản 1 – Điều 17 – Các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	Không có nội dung này	Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của quá 05 công ty khác	Bổ sung cho phù hợp quy định tại Dự thảo Điều lệ SHB và Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
Khoản 2 Điều 18 – Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT (Đối với thành viên	Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của SHB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó	Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Bổ sung nội dung đầy đủ theo Mẫu Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Thông tư số 116/2020/ TT-BTC

Khoản mục	Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT đã được ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-HĐQT ngày 26/06/2018	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
HĐQT độc lập)			
Khoản 3 Điều 18 - Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT	Không có nội dung này	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có liên quan.	Theo Khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và phù hợp với Mẫu Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Thông tư số 116/2020/ TT-BTC
Khoản 9 Điều 21 – Bãi nhiệm, miễn nhiệm	Không có nội dung này	Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ SHB. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần	Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020 và phù hợp với Mẫu Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Thông tư số 116/2020/ TT-BTC

Khoản mục	Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT đã được ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-HĐQT ngày 26/06/2018	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
		ba; b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo Quy định tại Điều lệ và các quy định có liên quan của SHB; c) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Điểm b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	
Điểm i Khoản 1 - Điều 21 – Bãi nhiệm, miễn nhiệm	Cung cấp thông tin sai khi gửi cho SHB với tư cách là ứng viên HĐQT	Bỏ nội dung này	Bỏ cho phù hợp với nội dung sửa đổi tại Dự thảo Điều lệ SHB và Điều 36 Luật Các tổ chức tín dụng
Điều 23 – Hiệu lực của Quy chế	Chưa có nội dung này	1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định sau khi được Đại hội đồng cổ đông phân công/chấp thuận. 2. Đổi tên Điều 23 thành “Điều khoản thi hành”	Chỉnh sửa cho phù hợp với mẫu Quy chế văn bản nội bộ của SHB
Điều 24 – Điều khoản thi hành	1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định sau khi được Đại hội đồng cổ đông phân công/chấp thuận. 2. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này	Bỏ nội dung này	Đã bổ sung Khoản 1 vào Điều 23, và bỏ Điều này cho phù hợp với mẫu Quy chế văn bản nội bộ của SHB

CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHB)

(Kèm theo Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 04/04/2021)

Khoản mục	Quy chế Quản trị nội bộ SHB số 261/QĐ-HĐQT ngày 26/06/2018	Dự thảo sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 2 Điều 1	Không có nội dung này	Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động khác theo Quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật hiện hành.	Bổ sung nội dung đầy đủ theo Mẫu Quy chế Quản trị nội bộ tại Thông tư số 116/2020/ TT-BTC
Khoản 1 Điều 3	Không có nội dung này	Luật Doanh nghiệp 2020: Là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có).	Bổ sung cho đầy đủ thông tin
Khoản 3 Điều 6	Không có nội dung này	Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ được Quy định tại Điều 32 Điều lệ Ngân hàng	Bổ sung nội dung đầy đủ theo Mẫu Quy chế Quản trị nội bộ tại Thông tư số 116/2020/ TT-BTC
Khoản 1 Điều 7	Không có nội dung này	Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 3 Điều 7	Không có nội dung này	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của SHB có thể tổ chức bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến (Trình tự, thủ tục họp, bỏ phiếu điện tử và thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến được quy định tại Phụ lục đính kèm Quy chế này).	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 và Bổ sung nội dung đầy đủ theo Mẫu Quy chế Quản trị nội bộ tại Thông tư số 116/2020/ TT-BTC
Khoản 1 Điều 8	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập	Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020

	định triệu tập và phải lập xong không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	xong không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	
Khoản 2 Điều 8	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc	Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điểm b khoản 2 Điều 8	Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, thẻ hoặc phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp	Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, thẻ hoặc phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp	Bỏ nội dung mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp vì Theo Khoản 3 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020, Khoản 2 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC đã bỏ nội dung này.
Khoản 4 Điều 8	Không có nội dung này	Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ: a. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của SHB. b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai;	Bổ sung nội dung đầy đủ theo Mẫu Quy chế Quản trị nội bộ tại Thông tư số 116/2020/ TT-BTC và Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020

		Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	
Khoản 5 Điều 8	Không có nội dung này	Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020, Bổ sung cho phù hợp với Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về Quản trị Công ty Đại chúng
Khoản 4 Điều 9	Không có nội dung này	Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Ngân hàng; b) Định hướng phát triển Ngân hàng; c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng; e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Tổ chức lại, giải thể Ngân hàng.	Bổ sung cho phù hợp với Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC về Quản trị Công ty Đại chúng, Căn cứ Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Dự thảo Điều lệ SHB.
Khoản 3 Điều 11	Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông,	Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông	Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020

	nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp....	trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp...	
Khoản 2 Điều 12	Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến cho cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ liên lạc khác mà cổ đông đăng ký) của từng cổ đông	Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến cho cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ liên lạc khác mà cổ đông đăng ký) của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020 bổ sung thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản.
Khoản 6 Điều 13	Không có nội dung này .	Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao cho công việc của mình với tư cách là Thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các Thành viên HĐQT theo thỏa thuận, hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.	Bổ sung cho phù hợp với Phù hợp với Mẫu Quy chế Quản trị nội bộ Quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC và Khoản 1 Điều 49 Dự thảo Điều lệ SHB
Điểm a Khoản 2 Điều 14	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị.	Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020; Khoản 2 Điều 25 Thông tư 116/2020/TT-BTC về Quản trị Công ty Đại chúng
Điểm c Khoản 2 Điều 14	Số lượng ứng viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng viên do ĐHĐCĐ quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Số lượng	Bỏ nội dung này	Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020; Khoản 2 Điều 25 Thông tư

	<p>ứng viên mà các nhóm có quyền đề cử thực hiện như sau:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.</p>		116/2020/TT-BTC về Quản trị Công ty Đại chúng đã bỏ nội dung số lượng người được đề cử vào HĐQT của nhóm cổ đông lớn
Điều 19	Một thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được là trưởng ban của một ủy ban	Bỏ nội dung này	Sửa đổi cho phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh SHB
Khoản 2 Điều 11, Khoản 4 Điều 14 và Khoản 5 Điều 22	Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội	Sở Giao dịch Chứng khoán	Sửa đổi cho phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh SHB
Khoản 1 Điều 24	Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh	Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của SHB, chịu sự giám sát của Hội đồng	Bổ sung cho Phù hợp Mẫu Quy chế Quản trị nội bộ Quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

	hàng ngày của SHB, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.	Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ SHB.	
Khoản 3 Điều 24	Chưa có nội dung này	Hội đồng Quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc sau khi đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua và các hành viên khác trong Ban Điều hành căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Ban Điều hành được tính vào chi phí hoạt động của SHB theo quy định của pháp luật, phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của SHB.	Bổ sung cho Phù hợp với Điều 58 Dự thảo Điều lệ SHB sửa đổi và Mẫu Quy chế Quản trị nội bộ Quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 3 Điều 26	Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Điều hành và những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị ban hành.	Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Điều hành và những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị ban hành.	Sửa đổi cho đầy đủ nội dung về ký kết hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc theo Mẫu Quy chế Quản trị nội bộ Quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điểm a Khoản 4 Điều 28	Không có nội dung này	Hội đồng Quản trị phối hợp với bộ phận Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.	Bổ sung cho phù hợp với Quy định tại Điều 65 Thông tư 13/2018/TT-NHNN

Điểm b Khoản 4 Điều 28	Không có nội dung này	Tổng Giám đốc tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Tổng Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban Kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị.	Bổ sung cho phù hợp với Quy định tại Điều 65 Thông tư 13/2018/TT-NHNN
Khoản 1 Điều 37	Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5, Điều 152, Luật Doanh nghiệp năm 2014.	Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.	Luật Doanh nghiệp 2014 đã hết hiệu lực thi hành; Phù hợp với Quy định tại Khoản 1 Điều 132 Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Phụ lục	Không có nội dung này	Nội dung phụ lục 01 về Dự thảo quy định tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến đính kèm	Phù hợp với Mẫu Quy chế Quản trị nội bộ Quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH TỔ CHỨC ĐHĐCĐ TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quy chế Quản trị nội bộ đã được ban hành kèm theo
Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày /04/2021)

DỰ THẢO

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên hoặc bất thường của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) thông qua hình thức tổ chức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp trực tiếp và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cổ đông là người sở hữu ít nhất một cổ phần SHB, có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc là người được cổ đông ủy quyền hợp lệ và đã được SHB cấp tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
2. Đại hội trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
3. Đại hội trực tiếp là hình thức tổ chức cuộc họp duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
4. Địa điểm tổ chức đại hội trực tuyến bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản truy cập đã được SHB cung cấp để tham dự đại hội trực tuyến.
5. Bỏ phiếu điện tử là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo Quy định tại Quy chế này.
6. Bỏ phiếu trực tiếp là việc cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội trực tiếp.
7. Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.

8. Tài khoản truy cập bao gồm tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được SHB cấp duy nhất cho từng cổ đông.
9. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến là việc cổ đông sử dụng tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo Quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của SHB.
10. Hệ thống là tổng hợp cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tổ chức, vận hành chương trình Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
11. Thời gian mở cửa hệ thống là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến. Hệ thống sẽ đóng truy cập theo thông báo của Chủ tọa hoặc Ban tổ chức đại hội.
12. Các từ, ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này, sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của SHB và của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức Đại hội trực tuyến

1. Căn cứ tình hình thực tế, HĐQT quyết định triệu tập đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức đại hội truyền thống theo Quy định tại Điều lệ SHB. Trường hợp tổ chức đại hội có hình thức trực tuyến, Ban tổ chức đại hội do HĐQT thành lập có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến.
2. Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, gửi thư mời họp, công bố thông tin, gửi tài liệu họp và các công việc khác theo quy định tại Điều lệ SHB và Quy chế Quản trị nội bộ.
3. Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm gửi văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông.
4. Cổ đông đăng ký tham dự đại hội theo quy chế này là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội trực tuyến.
5. Hình thức cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết tại Đại hội trực tiếp, bỏ phiếu trực tiếp.
6. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ban hành các hướng dẫn cần thiết phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Điều 4. Điều kiện tiến hành đại hội

1. Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng tỷ lệ cổ đông dự họp được quy định tại Điều lệ SHB và Quy định của Pháp luật.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.
 - b) Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.
 - c) Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào hệ thống.
 - d) Dữ liệu điện tử của chương trình đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ hệ thống.

Điều 5. Trình tự, thể thức tiến hành Đại hội trực tuyến

1. Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy định của Pháp luật.
2. Thể thức tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Quy chế này. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản trị ban hành các hướng dẫn để phù hợp với những thay đổi công nghệ và an toàn bảo mật nhưng không trái với các nguyên tắc của Quy chế này.
3. Trường hợp có sự cố kỹ thuật làm ảnh hưởng việc tham dự liên tục Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, cổ đông liên hệ SHB theo hướng dẫn được thông báo tại thư mời họp hoặc do Ban tổ chức đại hội công bố trong thời gian diễn ra Đại hội trực tuyến để được hỗ trợ.

Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến được thực hiện theo quy định như tham dự Đại hội trực tiếp.
2. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền về số điện thoại, địa chỉ liên lạc và email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
3. Hiệu lực của ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Khi cổ đông điền đầy đủ thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

- Giấy ủy quyền được in ra trên hệ thống ủy quyền trực tuyến phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền.
- Ngân hàng nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước thời điểm đại hội được khai mạc chính thức.

Điều 7. Ban tổ chức Đại hội

1. Ban tổ chức Đại hội do Hội đồng Quản trị thành lập. Số lượng và thành phần Ban tổ chức Đại hội do Hội đồng Quản trị quyết định.
2. Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện các công việc theo quy định tại Quy chế này.
 - b) Hướng dẫn, đầu mối giải đáp các thắc mắc của cổ đông về việc đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
 - c) Chuẩn bị phương tiện điện tử, cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
 - d) Thực hiện các công việc khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông là bộ phận giúp việc của Ban tổ chức Đại hội. Số lượng và thành phần Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức Đại hội quyết định. Ban tổ chức Đại hội có thể phân công nhân sự giúp việc cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm:
 - a) Kiểm tra tư cách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.
 - b) Báo cáo trước Đại hội trực tuyến về tỷ lệ cổ đông tham dự đại hội.
3. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng sẽ ban hành các hướng dẫn về việc xác nhận tư cách cổ đông và thông tin tới cổ đông để có cơ sở thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 9. Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu

1. Chủ tọa

- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa cuộc họp, hỗ trợ Chủ tọa có một số thành viên khác cùng tham gia để điều hành cuộc họp (Ban chủ tọa).

- b) Ban chủ tọa điều hành Đại hội trực tuyến theo đúng Quy chế này và nội dung chương trình làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- c) Quyết định của Ban chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội trực tuyến sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- d) Ban chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội trực tuyến một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

2. Ban thư ký

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Ban thư ký cuộc họp, Ban thư ký thực hiện các công việc sau:

- a) Tổng hợp các ý kiến của cổ đông trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến và gửi cho Ban chủ tọa.
- b) Ghi chép trung thực diễn biến của Đại hội trực tuyến vào nội dung biên bản và nghị quyết cuộc họp để đại hội thông qua trước khi kết thúc đại hội.
- c) Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu

- a) Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua, Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - (i) Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội trực tuyến.
 - (ii) Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết; Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Đại hội đồng cổ đông.
- b) Ban tổ chức đại hội có thể phân công nhân sự giúp việc cho Ban kiểm phiếu để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Hình thức, cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Hình thức biểu quyết

Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử theo khoản 3 điều này.

2. Thời điểm biểu quyết

- a) Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực

hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.

- b) Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và nội dung sửa đổi về quy chế tổ chức đại hội (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến.
- c) Các kết quả bỏ phiếu được tính theo tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng.
- d) Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

3. Bỏ phiếu điện tử

- a) Cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử theo thông báo hoặc hướng dẫn của Hội đồng Quản trị SHB.
- b) Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “**Đồng ý**”, “**Không đồng ý**”, “**Không ý kiến**” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.
- c) Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

4. Kết quả biểu quyết

- a) Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

- b) Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 11. Biên bản họp và Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Tỷ lệ thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến tuân theo tỷ lệ được Quy định tại Điều lệ SHB và các Quy định của Pháp luật.
2. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC
NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

(Kèm theo Tờ trình số .../TTr-BKS ngày .../.../2021 của Ban Kiểm soát SHB)

DỰ THẢO

Khoản mục	Quy chế TCHĐ của BKS số 48/2020/QĐ-BKS	Dự thảo sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
Toàn bộ dự thảo	Các nội dung tại header, footnote	Các nội dung tại header, footnote được thay đổi, cập nhật theo các Điều, Khoản, Văn bản mới ban hành sau này đã thay thế các văn bản cũ	Cho phù hợp với các văn bản mới ban hành như Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP v.v...
Khoản 1, Điều 1	1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát (sau đây được viết tắt là Quy chế) của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội quy định cụ thể các nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát; mối quan hệ của Ban Kiểm soát đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong và ngoài Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.	1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội quy định cụ thể các nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát; mối quan hệ của Ban Kiểm soát đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong và ngoài Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.	Bỏ cụm từ in đậm ở bản Quy chế cũ để chuyển xuống Khoản 2, Điều 2
Khoản 2, Điều 2	“Luật Doanh nghiệp năm 2014” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014	“Luật Doanh nghiệp năm 2020” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước XHCN thông qua ngày 11/6/2020.	Cập nhật Luật Doanh nghiệp mới năm 2020
Khoản 2, Điều 2	“Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD/Luật Các TCTD SĐBS số 17/2017/QH14” là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2017, có hiệu lực từ ngày 15/01/2018.	“Luật SĐBS Luật Các TCTD” là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 20/11/2017.	Chỉnh sửa lại cụm từ viết tắt cho gọn
Khoản 2, Điều 2	- “Luật Các tổ chức tín dụng” là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có) (sau đây được viết tắt là Luật Các TCTD).	Bỏ nội dung này	Bỏ vì không cần thiết, đã có quy định riêng cho “Luật Các TCTD năm 2010” và “Luật SĐBS Luật Các TCTD”

Khoản mục	Quy chế TCHĐ của BKS số 48/2020/QĐ-BKS	Dự thảo sửa đổi	Cơ sở sửa đổi
Khoản 2, Điều 2	Không có	<ul style="list-style-type: none"> - “Luật Chứng khoán năm 2019” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có). - “Nghị định 155/2020/NĐ-CP” là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”. - Thông tư 13/2018/TT-NHNN là Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của NHNN ban hành Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán” (sau đây được gọi tắt là Thông tư 116/2020/TT-BTC). 	Bổ sung thêm cho đầy đủ
Khoản 2, Điều 2	<ul style="list-style-type: none"> - “Điều lệ SHB” là Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 140/QĐ-HĐQT ngày 22/6/2020 của HĐQT SHB. - “Quy chế Quản trị nội bộ của SHB” là Quy chế Quản trị nội bộ của SHB ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-HĐQT ngày 26/6/2018 của HĐQT SHB. 	<ul style="list-style-type: none"> - “Điều lệ SHB” là Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số ngày của HĐQT SHB. - “Quy chế Quản trị nội bộ của SHB” là Quy chế Quản trị nội bộ của SHB ban hành kèm theo Quyết định số ngày của HĐQT SHB. 	Chờ cập nhật số/ngày của “Điều lệ SHB” và “Quy chế Quản trị nội bộ của SHB” sắp ban hành mới
Khoản 2, Điều 2	Không có	- “Quy chế TCHĐ BKS hoặc Quy chế này” là “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội” ban hành kèm theo Quyết định số:/2021/QĐ-BKS ngày/...../2021 của BKS SHB.	Bổ sung thêm

Khoản mục	Quy chế TCHĐ của BKS số 48/2020/QĐ-BKS	Dự thảo sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
Khoản 2, Điều 2	“Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 28, Điều 4, Luật Các TCTD năm 2010 và Khoản 1 Điều 1 Luật Các TCTD SĐBS số 17/2017/QH14	“Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 28, Điều 4, Luật các Tổ chức Tín dụng. Riêng trường hợp công bố thông tin thì Người có liên quan được xác định theo Khoản 46, Điều 4, Luật chứng khoán là tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 28, Điều 4, Luật Các TCTD năm 2010 và Khoản 1 Điều 1 Luật Các TCTD SĐBS số 17/2017/QH14.	Chỉnh sửa để phù hợp theo Dự thảo Điều lệ mới (Do SHB cũng là công ty đại chúng và theo Điều 118 Luật chứng khoán 2019 thì Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; Người nội bộ của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 45 Điều 4 của Luật này và người có liên quan của người nội bộ là các đối tượng phải công bố thông tin do đó trường hợp công bố thông tin thì phải xác định người có liên quan theo Luật chứng khoán)
Khoản 2, Điều 2	- “Đơn vị thành viên SHB” gồm: Ngân hàng 100% vốn đầu tư của SHB ở nước ngoài, Công ty con của SHB.	- “Đơn vị thành viên SHB” gồm: Các đơn vị trực thuộc SHB, Ngân hàng 100% vốn đầu tư của SHB ở nước ngoài, Công ty con của SHB.	Bổ sung thêm “Các đơn vị trực thuộc SHB” cho đầy đủ
Khoản 3, Điều 4	3. BKS bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Hình thức biểu quyết, tỷ lệ số phiếu chấp thuận so với tổng số phiếu biểu quyết do Điều lệ SHB quy định	3. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Hình thức biểu quyết, tỷ lệ số phiếu chấp thuận so với tổng số phiếu biểu quyết do Điều lệ SHB quy định	Sửa lại câu cho rõ và phù hợp với Khoản 2 Điều 168 Luật DN
Điểm d, Khoản 5, Điều 4	d) Các văn bản, hồ sơ, tài liệu, tài sản đang quản lý (nếu có), gồm: i. Danh mục các hồ sơ của BKS qua các năm (có đính kèm Phụ lục chi tiết); ii. Danh mục các Báo cáo của BKS qua các năm (có đính kèm Phụ lục chi tiết); iii. Danh mục các Biên bản họp BKS qua các năm (có đính kèm Phụ lục chi tiết); iv. Danh mục các Công văn (đi, đến), tài liệu tham khảo đang quản lý (có đính kèm Phụ lục chi tiết); v. Danh mục các tài liệu khác qua các năm đang quản lý (có đính kèm Phụ lục chi tiết); vi. Danh sách các tài sản của BKS đang quản lý (có đính kèm Phụ lục chi tiết); vii. Các nội dung khác (nếu có).	d) Các văn bản, hồ sơ, tài liệu, tài sản đang quản lý (nếu có)	Bỏ bớt nội dung chi tiết bên trong Điểm d do văn bản này là Quy chế, ko cần thiết liệt kê cụ thể các tài liệu cần bàn giao

Khoản mục	Quy chế TCHĐ của BKS số 48/2020/QĐ-BKS	Dự thảo sửa đổi	Cơ sở sửa đổi
Khoản 2, Điều 5	Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc	Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.	Bỏ nội dung in đậm ở bản cũ do đã thể hiện ở Khoản 5 Điều 4 để tránh trùng lặp không cần thiết
Khoản 3, Điều 5	3. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào BKS : Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.	3. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào BKS : Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào BKS.	- Chính sửa cho phù hợp theo quy định tại Khoản 5, Điều 115, Luật Doanh nghiệp 2020. - Thống nhất dự thảo Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi bổ sung năm 2021.
Điểm b, Khoản 1, Điều 6	b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014	b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020	Cập nhật Luật Doanh nghiệp mới năm 2020
Điểm i, Khoản 1, Điều 6	Không có	i) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác và phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm	Bổ sung theo dự thảo Điều lệ mới (<i>Điều kiện về thành viên BKS chuyên trách quy định tại Điểm đ, Khoản 3 Điều 50 Luật các TCTD</i>)
Khoản 2, Điều 6	2. Điều kiện làm thành viên BKS chuyên trách : a) Thành viên BKS chuyên trách là thành viên BKS làm việc thường trực giữa các kỳ họp của BKS và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do BKS phân công; b) Thành viên BKS chuyên trách không được đồng thời đảm nhận chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng khác; c) BKS quy định cụ thể cơ chế làm việc và nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên BKS chuyên trách; d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.	Bỏ nội dung này	Bỏ bổ sung theo dự thảo Điều lệ mới (<i>Nội dung này căn cứ theo Điều 19 của Thông tư 06/2010/TT-NHNN tuy nhiên Thông tư 06/2010/TT-NHNN đã bị chấm dứt hiệu lực vào ngày 15/02/2019 bởi Thông tư 50/2018/TT-NHNN. Thông tư 50 không còn quy định về "Thành viên BKS chuyên trách" nữa. Điều kiện về thành viên Ban KS chuyên trách chỉ còn được quy định tại Điểm đ, Khoản 3 Điều 50 Luật các TCTD</i>)

Khoản mục	Quy chế TCHĐ của BKS số 48/2020/QĐ-BKS	Dự thảo sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
Điểm b, Khoản 1, Điều 8	b) Vi phạm quy định tại Điều 33 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 1 Điều 42 Điều lệ SHB hoặc Khoản 3 Điều 6 Quy chế này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ là thành viên BKS	b) Vi phạm quy định tại Điều 33 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 1 Điều 42 Điều lệ SHB hoặc Khoản 2 Điều 6 Quy chế này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ là thành viên BKS	Sửa do bỏ Khoản 2 Điều 6 ở trên nên Khoản 3 được đẩy lên thành Khoản 2
Khoản 2, Điều 10	2. Trường hợp BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho SHB thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét miễn nhiệm BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.	2. Trường hợp các hành vi, quyết định của BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho SHB thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm một, một số hoặc toàn bộ các thành viên của BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.	Sửa đổi theo Dự thảo Điều lệ mới (BKS là một Cơ quan được thành lập theo quy định của Luật các TCTD và quy định về kiểm soát nội bộ của thông tư 13/2018/TT-NHNN do đó về cơ bản thì không thể "miễn nhiệm BKS" mà chỉ miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS do đó kiến nghị sửa lại nội dung này cho phù hợp quy định của pháp luật)
Khoản 1, Điều 11	1. BKS có bộ phận giúp việc, bộ phận KTNB để thực hiện các nhiệm vụ của mình.....	1. BKS có bộ phận giúp việc, là bộ phận KTNB để thực hiện các nhiệm vụ của mình.....	Thêm chữ "là" cho rõ nghĩa
Khoản 2, Điều 12	Không có	2. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành SHB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao	Bổ sung theo quy định tại Khoản 3, Điều 45 Luật các TCTD 2010.
Khoản 4, Điều 12	16. Phê duyệt chính sách KTNB ; phê duyệt và điều chỉnh Kế hoạch KTNB trên cơ sở thảo luận với TGD và thống nhất với Chủ tịch HĐQT.	4. Ban hành Kế hoạch KTNB hằng năm của SHB và Kế hoạch KTNB điều chỉnh (nếu có) theo đề nghị của Giám đốc Khối KTNB sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT và TGD SHB.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển từ Khoản 16 bản cũ lên Khoản 4 cho logic khi đang đề cập đến cùng các vấn đề có liên quan đến KTNB. - Bỏ "Phê duyệt chính sách KTNB" vì các nội dung phê duyệt chính sách KTNB đã thể hiện ở Khoản 3. - Sửa lại nội dung câu để phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 70 Thông tư 13.

Khoản mục	Quy chế TCHĐ của BKS số 48/2020/QĐ-BKS	Dự thảo sửa đổi	Cơ sở sửa đổi
Khoản 7, Điều 12	<p>6. Chi đạo, điều hành bộ phận KTNB thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống KSNB trong đó bao gồm hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro; phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin báo cáo tài chính và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của SHB.</p> <p>7. Định kỳ thông báo HĐQT, TGD về hệ thống KSNB; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống KSNB.</p> <p>15. Định kỳ hằng năm, BKS phải chi đạo bộ phận KTNB thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống KSNB và thông báo cho HĐQT, TGD về hệ thống KSNB; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống KSNB.</p>	<p>7. BKS chi đạo bộ phận KTNB hằng năm thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống KSNB (bao gồm hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro; phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin báo cáo tài chính và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của SHB) và định kỳ thông báo cho HĐQT, TGD về hệ thống KSNB; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống KSNB</p>	<p>Gộp 3 Khoản 6-7-15 bản cũ cho gọn, tránh trùng lặp</p>
Khoản 16, Điều 12	<p>19. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của Ngân hàng.</p>	<p>16. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn nhiệm kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết</p>	<p>- Bổ sung theo quy định tại Khoản 1, Điều 39, Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng, Phụ lục I, kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC - Thay thế Khoản 19 bản cũ</p>
Điều 13	<p>Điều 13. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng BKS</p>	<p>Điều 13. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng BKS</p>	<p>Bỏ "và" do bị thừa</p>
Khoản 7, Điều 14	<p>7. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 25 tháng 6) và hằng năm (trước ngày 25 tháng 12), các thành viên BKS báo cáo Trưởng BKS về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong kỳ báo cáo đã được quy định tại Điều 14 Quy chế này và trong bản Cơ chế làm việc và phân công nhiệm vụ của BKS SHB từng thời kỳ</p>	<p>Bỏ nội dung này</p>	<p>Bỏ Khoản này do trùng với Khoản 2 Điều 18 "Chế độ báo cáo", để nội dung này tại Điều 18 phù hợp hơn</p>
Khoản 1, Điều 16	<p>1. Phiên họp thường kỳ: BKS họp định kỳ hằng quý trong năm vào trước ngày làm việc cuối cùng của quý (trường hợp ngày họp trùng vào ngày nghỉ trong tuần, ngày lễ, Tết thì sẽ họp vào ngày làm việc tiếp theo), và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.</p>	<p>1. Phiên họp thường kỳ: BKS họp định kỳ hằng quý trong năm vào tuần đầu tiên của quý tiếp theo và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.</p>	<p>Sửa thời gian họp để BKS chủ động bố trí cuộc họp, không cố định ngày làm việc cuối cùng của quý</p>

Khoản mục	Quy chế TCHĐ của BKS số 48/2020/QĐ-BKS	Dự thảo sửa đổi	Cơ sở sửa đổi
Khoản 2, Điều 17	<p>2. Phiên họp bất thường: Phiên họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của:</p> <p>a) Chủ tịch HĐQT;</p> <p>b) Ít nhất hai phần ba số thành viên HĐQT;</p> <p>c) Trưởng BKS;</p> <p>d) Ít nhất 02 thành viên BKS;</p> <p>e) TGD;</p> <p>f) Giám đốc NHNN Chi nhánh Thành phố Hà Nội.</p> <p>3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e, f của Khoản 2 Điều này, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành phiên họp BKS bất thường.....</p>	<p>2. Phiên họp bất thường:</p> <p>a) Phiên họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của:</p> <p>- Chủ tịch HĐQT;</p> <p>- Ít nhất hai phần ba số thành viên HĐQT;</p> <p>- Trưởng BKS;</p> <p>- Ít nhất 02 thành viên BKS;</p> <p>- TGD;</p> <p>- Giám đốc NHNN Chi nhánh Thành phố Hà Nội.</p> <p>b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, Khoản 2 Điều này, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành phiên họp BKS bất thường.....</p>	<p>Sắp xếp lại bố cục cho phù hợp, gộp Khoản 2 và 3 vào cùng một Khoản về Phiên họp bất thường, để đúng theo nội dung tiêu đề từng Khoản:</p> <p>1. Phiên họp thường kỳ;</p> <p>2. Phiên họp bất thường;</p> <p>3. Địa điểm họp</p> <p>4.</p>
Khoản 6, Điều 17	Không có	6. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2, Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điểm d, Khoản 7, Điều 17	Bất kỳ thành viên BKS nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó	Bất kỳ thành viên BKS nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020.
Điểm a, Khoản 11, Điều 17	a) BKS họp định kỳ hằng quý, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS	a) Các cuộc họp của BKS phải có số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS	<p>- Sửa cuộc họp "định kỳ hằng quý" thành "các cuộc họp của BKS" (bao gồm cả họp định kỳ, bất thường) cho đầy đủ.</p> <p>- Bỏ phần nội dung đề cập đến Biên bản (chữ đậm) ở bản cũ "Biên bản họp.... thành viên BKS" do trùng với điểm c Khoản 11 này => Chuyển xuống gộp cùng điểm c Khoản 11</p>

Khoản mục	Quy chế TCHD của BKS số 48/2020/QĐ-BKS	Dự thảo sửa đổi	Cơ sở sửa đổi
Điểm c, Khoản 11, Điều 17	c) Biên bản họp BKS: Các phiên họp BKS phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên BKS tham dự phiên họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa phiên họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản phiên họp BKS cho các thành viên BKS và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các phiên họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.	c) Biên bản họp BKS: Các phiên họp BKS phải được ghi vào biên bản một cách đầy đủ, chi tiết và rõ ràng . Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên BKS tham dự phiên họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa phiên họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản phiên họp BKS cho các thành viên BKS và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các phiên họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS	Gộp 1 phần nội dung về Biên bản ở Điểm a Khoản 11 vào Điểm này để tập trung nội dung
Khoản 1, Điều 18	1. Quyền được cung cấp thông tin của BKS a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên HĐQT. b) Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do SHB phát hành được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.	1. Quyền được cung cấp thông tin của BKS a) Các tài liệu sau được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên HĐQT: - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo. - Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT. - Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do SHB phát hành	Gộp Điểm a, b Khoản 1 bản cũ thành một Điểm a trong dự thảo mới và bổ sung thêm "Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT" theo nội dung tại Dự thảo Điều lệ SHB mới (<i>Bổ sung thêm quyền được cung cấp thông tin về các quyết định, biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 171 Luật doanh nghiệp 2020</i>) cho gọn, tập trung vào cùng 1 vấn đề cần đề cập
Điểm f, Khoản 1, Điều 19	f) Phê duyệt chính sách KTNB (trừ các quy định thuộc thẩm quyền ban hành của HĐQT); phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch KTNB hằng năm theo đề nghị của Giám đốc Khối KTNB, đảm bảo kế hoạch KTNB được định hướng theo rủi ro; quyết định thành lập các Đoàn KTNB theo Kế hoạch KTNB đã phê duyệt hoặc kiểm toán đột xuất (có thể không thông báo trước đơn vị được kiểm toán, kiểm tra) và chỉ đạo xử lý kết quả KTNB; cử các đơn vị KTNB, cán bộ KTNB tham gia các Đoàn kiểm tra theo các quyết định của HĐQT và TGD (có thể không thông báo trước đơn vị được kiểm toán, kiểm tra).	f) Phê duyệt chính sách KTNB; ban hành kế hoạch KTNB hằng năm theo đề nghị của Giám đốc Khối KTNB, đảm bảo kế hoạch KTNB được định hướng theo rủi ro; quyết định thành lập các Đoàn KTNB theo Kế hoạch KTNB đã phê duyệt hoặc kiểm toán đột xuất và chỉ đạo xử lý kết quả KTNB; cử các đơn vị KTNB, cán bộ KTNB tham gia các Đoàn kiểm tra theo các quyết định của HĐQT và TGD.	- Bỏ "(trừ các quy định thuộc thẩm quyền ban hành của HĐQT)" do theo quy định tại Thông tư 13 thì HĐQT không phê duyệt văn bản nào liên quan đến chính sách KTNB. - Sửa " phê duyệt, điều chỉnh " thành " ban hành " để phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 70 Thông tư 13. - Bỏ cụm từ " (có thể không thông báo trước đơn vị được kiểm toán, kiểm tra) " do đây là Quy chế, không cần thiết quy định cụ thể. Việc cụ thể như thế này sẽ được thể hiện tại Quy trình KTNB

Khoản mục	Quy chế TCHĐ của BKS số 48/2020/QĐ-BKS	Dự thảo sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
Điểm h, Khoản 1, Điều 19	q) Thực hiện GS.QLCC của BKS đối với KTNB theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, Quy định GS.QLCC của BKS đối với KTNB SHB ban hành theo Quyết định số 34.1/2019/QĐ-BKS ngày 26/4/2019 của BKS	h) Thực hiện GS.QLCC của BKS đối với KTNB theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và Quy định hiện hành về GS.QLCC của BKS đối với KTNB SHB theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 và các Khoản, Điều khác có liên quan Quy chế này.	Chuyển vị trí Điểm q Khoản 1 bản cũ lên trên điểm h Khoản 1 ban dự thảo mới cho logic/phù hợp và bỏ nội dung số văn bản cụ thể về GS.QLCC số 34.1/2019/QĐ-BKS cho linh hoạt trong trường hợp văn bản này bị thay thế
Điểm i, Khoản 1, Điều 19	h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ, quyết định lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Giám đốc Khối KTNB, Phó Giám đốc Khối KTNB, các chức danh khác của Khối KTNB phù hợp với quy định của pháp luật, NHNN, Điều lệ SHB Khoản 4, Điều 12 Quy chế này	i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ, quyết định lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Giám đốc Khối KTNB, Phó Giám đốc Khối KTNB, các chức danh khác của Khối KTNB phù hợp với quy định của pháp luật, NHNN, Điều lệ SHB và Khoản 4, Điều 12 Quy chế này.	Thêm chữ "và" cho rõ nghĩa
Điểm m, Khoản 1, Điều 19	n) Trường hợp phát hiện các sai phạm nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu cho thấy những nguy cơ rủi ro cao có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các đơn vị và của SHB, Trưởng Phòng KTNB tại đơn vị phải báo cáo ngay cho Giám đốc/Phó Giám đốc Khối KTNB phụ trách trực tiếp biết; khi nhận được báo cáo về những sai phạm nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu cho thấy những nguy cơ rủi ro cao có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của SHB, Giám đốc Khối KTNB phải báo cáo ngay cho HĐQT, BKS, TGD để có biện pháp xử lý kịp thời.	m) Trường hợp phát hiện các sai phạm nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu cho thấy những nguy cơ rủi ro cao có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các đơn vị và của SHB, Giám đốc Khối KTNB phải báo cáo ngay cho HĐQT, BKS, TGD để có biện pháp xử lý kịp thời.	Bỏ do nội dung in đậm ở bản cũ do thuộc quản lý của GDK Khối, nội dung này sẽ nằm trong Quy trình KTNB/Quy chế TCHĐ của Khối KTNB

Khoản mục	Quy chế TCHD của BKS số 48/2020/QĐ-BKS	Dự thảo sửa đổi	Cơ sở sửa đổi
Điểm n, Khoản 1, Điều 19	<p>l) Giám đốc Khối KTNB lập báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động chung của toàn Khối KTNB gửi BKS SHB chậm nhất ngày 10 của đầu tháng hoặc đầu quý tiếp theo; báo cáo 6 tháng vào ngày 10 của đầu quý 3 (về Mẫu biểu báo cáo theo hướng dẫn tại Quy trình KTNB SHB).</p> <p>m) Định kỳ quý/6 tháng/năm (không lập báo cáo quý 2 và báo cáo quý 4), Giám đốc Khối KTNB lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch KTNB SHB, báo cáo giám sát và đánh giá các mặt hoạt động trọng yếu của SHB; báo cáo hoạt động quản trị, tuân thủ toàn hệ thống và việc chỉnh sửa các khuyến nghị trong các Báo cáo kiểm tra của các cơ quan nội, ngoại ngành khác (nếu có) của SHB có liên quan và gửi BKS, các cấp có thẩm quyền theo quy định.</p> <p>o) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc Khối KTNB phải trình BKS Báo cáo kết quả tự đánh giá KTNB</p>	<p>n) Định kỳ hàng tháng/quý/6 tháng/năm, Giám đốc Khối KTNB tổ chức thực hiện các báo cáo: Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch KTNB SHB; Báo cáo kết quả giám sát từ xa; Báo cáo kết quả chấn chỉnh sau KTNB; Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán theo từng nghiệp vụ; Báo cáo về KTNB, Báo cáo kết quả tự đánh giá KTNB theo yêu cầu tại Thông tư 13/TT-NHNN; và các báo cáo đột xuất/nội bộ khác theo yêu cầu để gửi BKS và các cấp thẩm quyền khác theo quy định cụ thể (về loại báo cáo, kỳ báo cáo, thời gian báo cáo, mẫu biểu báo cáo, nơi nhận báo cáo...) tại Quy chế tổ chức hoạt động của Khối KTNB và Quy trình KTNB.</p>	<p>- Gộp 3 Điểm l-m-o bản cũ vào thành Điểm n Khoản 1 bản dự thảo mới cho gọn.</p> <p>- Đây là Quy chế của BKS nên cũng không cần thiết phải quy định quá chi tiết về kỳ báo cáo, thời gian báo cáo, nơi nhận báo cáo... của KTNB.</p>
Điểm a, Khoản 2, Điều 19	Không có	a) Thực hiện cơ chế phối hợp giữa BKS với TGD theo Quy chế nội bộ về quản trị SHB được SHB ban hành từng thời kỳ.	Bổ sung thêm
Điểm e, Khoản 2, Điều 19	Không có	e) TGD tiếp nhận báo cáo nội bộ về KTNB, tổ chức thực hiện các kiến nghị của BKS đối với TGD tại báo cáo kết quả KTNB (nếu có) và báo cáo BKS kết quả thực hiện các kiến nghị	Bổ sung cho đầy đủ theo yêu cầu tại Điều 65 Thông tư số 13
Điểm b, Khoản 3, Điều 19	Không có	a) Thực hiện cơ chế phối hợp giữa BKS với HĐQT theo Quy chế nội bộ về quản trị SHB được SHB ban hành từng thời kỳ.	Bổ sung thêm
Điểm f, Khoản 3, Điều 20	Không có	f) HĐQT thực hiện các kiến nghị của BKS đối với HĐQT tại báo cáo kết quả KTNB (nếu có) và thông báo cho BKS về kết quả thực hiện kiến nghị.	Bổ sung cho đầy đủ theo yêu cầu tại Điều 65 Thông tư số 13
Khoản 5, Điều 19	c) Tổ chức, chỉ đạo các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của SHB theo yêu cầu của NHNN .	Bỏ nội dung này	Bỏ do không cần thiết. Các nội dung chỉ đạo đối với KTNB đã thể hiện ở Khoản 1 Điều 19